

Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị Khu Tàng di sản văn hóa ở Việt Nam

PGS.TS. TRƯỜNG QUỐC BÌNH*

Siện nay ở nước ta, vấn đề xã hội hóa các hoạt động mang tính xã hội như văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao... đã và đang là những vấn đề cấp bách đòi hỏi phải được thực hiện. Những năm gần đây, khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đã từng bước được xã hội hóa và mang lại những hiệu quả không nhỏ.

Trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, vấn đề xã hội hóa đã và đang được coi như một giải pháp, một động lực thúc đẩy các hoạt động này phát triển phù hợp với những yêu cầu nhiệm vụ mới trong tình hình mới.

Những năm qua, ở nhiều địa phương đã diễn ra quá trình xã hội hóa hoạt động văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hóa nói riêng với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhiều nơi đã vận động nhân dân tham gia các hoạt động này bằng tiềm năng và những nỗ lực riêng của mình. Tuy nhiên, do những tác động tích cực và tiêu cực của kinh tế thị trường, các hoạt động này đã không tránh khỏi những biểu hiện tự phát, chạy theo

những lợi nhuận đơn thuần, đôi khi còn để lại những hậu quả xấu, làm ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

Để đáp ứng nhu cầu đó, xã hội hóa - thực chất là phi nhà nước hóa - sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hóa nói riêng - làm cho các hoạt động này không chỉ tập trung vào nhà nước và bao cấp như trước mà trở thành nhiệm vụ và mối quan tâm của toàn xã hội - là việc làm cấp bách, nhằm thỏa mãn kịp thời những đòi hỏi hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân.

Dưới đây, chúng tôi xin phép trình bày một số kiến giải về những tiền đề của việc xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa - làm cơ sở cho việc xác định những nội dung và biện pháp đẩy mạnh quá trình xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa ở nước ta.

I- Những tiền đề của việc xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam

1.1- Trước tiên, cần khẳng định rằng, xã hội hóa các hoạt động văn hóa nói chung và hoạt

động bảo vệ và phát huy di sản nói riêng, nảy sinh từ những tiền đề trong thực tiễn đời sống xã hội. Xã hội là một trong những thuộc tính cơ bản của các di sản văn hóa và thiên nhiên.

Các di sản thiên nhiên là những bằng cớ vật chất của quá trình chinh phục, cải tạo và sử dụng thiên nhiên vì mục đích tồn tại và phát triển của con người. Đây cũng đồng thời là quá trình con người đã gắn kết với nhau, tập hợp nhau từ tự phát đến tự giác - thành xã hội. Do đó, việc xác định trách nhiệm bảo vệ và phát huy các di sản này như một công việc có tính xã hội là hoàn toàn hợp lý.

Các di sản văn hóa vật thể (là động sản hay bất động sản) và các di sản phi vật thể - đều là sản phẩm chung, là kết quả sáng tạo chung của những tập đoàn người trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển. Và, chính vì thế, xã hội đã trở thành một trong những thuộc tính cơ bản vốn có của các di sản văn hóa.

1.2- Nước ta ở trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều, nắng gắt, thường xuyên bị bão lụt và luôn luôn phải đương đầu với nạn ngoại xâm và sự tàn hủy của những cuộc chiến tranh khốc liệt. Vì thế, các di sản văn hóa vật thể ở nước ta thường xuyên chịu những tác động của thiên nhiên và con người. Nếu như trong sự nghiệp dựng nước, nhân dân ta đã chung sức sáng tạo nên một nền văn hóa phong phú, đa dạng thì trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nền độc lập dân tộc, vấn đề bảo vệ quốc gia dân tộc nói chung và các di sản văn hóa dân tộc nói riêng - bảo vệ và sửa sang "tôn miếu và xã tắc" - bao giờ cũng là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Chính vì vậy, việc tu sửa, phục hồi các di tích lịch sử và văn hóa được đông đảo các tầng lớp nhân dân ta tự nguyện tham gia.

1.3- Do những đặc điểm về địa - kinh tế, địa - nhân văn và địa - chính trị, trong quá trình tồn tại và phát triển, nhân dân các dân tộc Việt Nam đã tạo lập và vun đắp những giá trị tinh thần cao đẹp, tiền đề và cội nguồn của sức mạnh dựng nước và giữ nước, mà đoàn kết dân tộc là một trong những giá trị đã trở thành truyền thống.

Xuất phát từ nhu cầu đoàn kết để dựng nước

và giữ nước, đồng thời xuất phát từ những đặc điểm và dạng thức của đời sống tâm linh, từ tập tục thờ phụng tổ tiên trong mỗi gia đình, nhân dân ta đã cùng nhau thừa nhận một đối tượng thờ phụng chung và cùng nhau xây dựng một nơi thờ phụng chung cho cả làng, và thậm chí cao hơn nữa còn tự coi là có chung một nguồn gốc "Bố Rồng, Mẹ Tiên" để rồi lập nên một ngôi mộ tổ chung, đặt ra một ngày giỗ Tổ chung cho cả quốc gia/ dân tộc.

Chính vì lẽ đó, việc bảo tồn những di sản văn hóa mà cho ông ta đã chung sức vun đắp, sáng tạo, bảo vệ và truyền lưu trong quá trình dựng nước và giữ nước mà thế hệ chúng ta đang thừa hưởng còn có những ý nghĩa quan trọng không chỉ xuất phát từ trách nhiệm và nghĩa vụ mà còn có ý nghĩa về tinh thần và tình cảm theo triết lý "uống nước nhớ nguồn" đối với tiền nhân.

1.4- Dưới góc độ lịch sử văn hóa, từ thực tiễn định hình, tồn tại và phát triển của văn hóa truyền thống Việt Nam mà hạt nhân cơ bản của nó là làng xã, chúng ta có thể xem xét và đánh giá các loại hình tổ chức hoạt động của cộng đồng làng xã trước đây mà trong đó trung tâm là con người và các mối quan hệ cơ bản là huyết thống và phi huyết thống để xem xét bình diện của quan hệ cộng đồng.

Trong những quan hệ này, một trong những cốt lõi để cố kết các cộng đồng là hình thái thờ phụng tổ thần của các xóm, ngõ, cao hơn là việc thờ thành hoàng chung ở đình xuất phát từ nhu cầu đoàn kết như đã nói trên. Và, chính bản thân những hoạt động chung này đã nảy sinh nhu cầu đóng góp nhân tài vật lực để xây dựng những công trình công cộng chung của làng xã.

Từ những kết quả nghiên cứu về cộng đồng và phong tục, chúng ta có thể rút ra những nhận xét là: Biểu hiện của tinh thần xã hội hóa trong đời sống sản xuất sinh hoạt, ứng xử, trong mối quan hệ xã hội đã xuất hiện một cách tự phát, tự nhiên. Tinh thần ấy thể hiện trong việc tham gia thờ phụng chung, trong hình thức tổ chức tế tự - từ việc góp giỗ gia đình đến việc góp giỗ chung của làng, trong việc xây dựng và thực hiện các hương ước, quy tắc chung, trong

đó có những quy định về bảo vệ tập tục, bảo vệ tài sản và di sản văn hóa chung, bảo vệ môi trường cảnh quan.

1.5- Một khác, những biểu hiện nói trên còn được nâng thành mối quan hệ giữa làng - nước. Các tổ chức xã hội trong xã hội Việt Nam cổ truyền như phe (phe tư văn, phe tư võ) hay Hội và đặc biệt là Giáp - một tổ chức dành riêng của những người đàn ông mà nền tảng tập hợp chủ yếu là tuổi tác gắn với tập tục trọng xỉ, một dấu nối giữa cộng đồng làng xã với cộng đồng nhà nước hóa có vai trò không thể phủ nhận trong việc xây dựng các công trình công cộng của làng xã, đặc biệt là đình làng.

Nhìn chung, phương thức tổ chức và nội dung hoạt động của các tổ chức xã hội trong xã hội Việt Nam truyền thống, dù dựa trên cơ sở huyết thống hay phi huyết thống, đều thể hiện tinh thần xã hội hóa. Về mặt hình thức, các tổ chức nói trên đều có những hoạt động mang tính văn hóa bởi những hoạt động này tạo nên những mối liên kết chung, mà qua đó những nguyện vọng chung của mỗi cá nhân được phổ cập. Với tư cách là những đơn vị xã hội - trước kia là những đơn vị văn hóa, những tổ chức nói trên cũng đồng thời là môi trường nuôi dưỡng và hình thành nhân cách văn hóa thông qua gia pháp, lệ tộc, tộc ước, lệ làng và cuối cùng là "phép nước".

Người Việt truyền thống được giáo dục trước hết và trên hết bởi những triết lý cộng đồng chứ không phải là nhân cách cá thể với việc những giá trị chuẩn mực chung được phổ biến và quy định đến từng người dân. Do đó, khai thác những đặc tính truyền thống về vấn đề này, chúng ta cần thấy rõ vai trò quan trọng của việc kết hợp giáo dục gia đình, tổ chức xã hội ở cơ sở, nhà trường với các hình thức giáo dục xã hội khác, trong đó có các hoạt động giáo dục truyền thống trên cơ sở các di sản văn hóa.

1.6- Trong thời kỳ phong kiến, bên cạnh việc tôn trọng và khuyến khích các hình thức và biện pháp xã hội hóa vốn có trong nhân dân, nhà nước phong kiến Việt Nam không đảm nhận việc bao cấp cho các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa mà chỉ sử dụng quyền quản lý nhà nước của mình, can thiệp vào các hoạt động này thông qua việc tổ chức ban sắc

phong cho các đối tượng được thờ phụng. Và đồng thời, tạo những điều kiện vật chất với việc cấp một phần "đất vua" nhằm khuyến khích các hoạt động này. Cho đến trước cách mạng tháng Tám năm 1945, các hình thức xã hội hóa việc bảo tồn di sản văn hóa vẫn dựa vào những tổ chức tự quản của cộng đồng làng xã với phương thức hoạt động chủ yếu dựa theo cách đóng góp theo đầu người và đóng góp tự nguyện. Nhờ đó, các đình, đền, chùa, miếu... tiếp tục được bảo vệ với tư cách là những trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng và văn hóa dân gian.

1.7- Do những đặc thù của nội dung, giá trị của các di sản văn hóa và những bản chất đồng thời là tiềm năng của việc xã hội hóa nên ngay trong thời kỳ bao cấp, việc xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa đã được thực hiện ở những mức độ và hình thức khác nhau. Nhiều khu di tích vẫn được nhân dân địa phương cử người trông nom bảo vệ và được hưởng hoa lợi thu được trong khu vực di tích. Nhiều cá nhân vẫn say sưa tự mình xây dựng các bộ sưu tập cổ vật hoặc các tác phẩm nghệ thuật, đặc biệt là hội họa. Nhiều cơ quan, trường học vẫn tổ chức những chuyến thăm quan học tập tại các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh.

Đến thời kỳ đổi mới, những hoạt động này, đặc biệt là việc tu bổ phát huy các di tích lịch sử và văn hóa đã diễn ra ở khắp mọi nơi, tạo nên một hiện tượng không chỉ đối với ngành văn hóa mà còn trở thành một hiện tượng xã hội. Chính vì thế, các hoạt động xã hội hóa một cách tự phát trong những năm qua cùng những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn hoạt động đã tạo ra một trong những tiền đề quan trọng cho việc thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa hiện nay.

Những định đề cơ bản nêu trên cho thấy, vấn đề xã hội hóa đã nảy sinh và tồn tại ngay trong quá trình sáng tạo và đồng thời trong quá trình truyền lưu qua các hình thức bảo giữ và phát huy khác nhau.

Do đó, có thể khẳng định rằng, việc xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa về thực chất chỉ là việc phát huy một trong những thuộc tính vốn có mà các di sản đã và đang hàm chứa.



Đồng thời, từ thực tiễn hoạt động văn hóa trong xã hội Việt Nam cổ truyền, chúng ta thấy rằng, xã hội hóa văn hóa nói chung và bảo tồn các di sản văn hóa nói riêng dù được thể hiện dưới dạng thức phổ cập văn hóa nào cũng không bao giờ là kết quả của sự áp đặt, gán ghép mà nó là những sự tham gia tự nguyện của các cá nhân và cộng đồng trên cơ sở nhận thức vấn đề tự mình và cho mình.

Theo thiển ý của chúng tôi, từ những nội dung trình bày trên đây, chúng ta có thể rút ra những nhận xét cơ bản là: Xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản nói riêng và xã hội hóa các hoạt động văn hóa nói chung không phải là hành động từ ý muốn chủ quan của tổ chức hay cá nhân nào mà nó có nguồn gốc và nảy sinh từ những tiền đề trong thực tiễn xã hội.

Những luận cứ trên đây sẽ là những cơ sở cho việc tham khảo và xác định những nội dung và giải pháp phù hợp cho quá trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa nói chung và các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa ở nước ta trong những bối cảnh mới của thời kỳ mới.

II- Những nội dung và giải pháp cơ bản của việc xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam

Xuất phát từ những nhận thức cơ bản về xã hội hóa nói chung, và những đặc điểm của tình hình mới ở nước ta; đồng thời, từ kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới, chúng tôi xin phép trình bày một số nhận thức về nội dung và giải pháp xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở nước ta.

Trước hết, theo chúng tôi, vấn đề "xã hội hóa" ở đây cần được hiểu như là cụm từ đối nghĩa với "nhà nước hóa" của thời kỳ bao cấp. Bởi vì, trong thời kỳ bao cấp toàn bộ hoạt động văn hóa, cụ thể là toàn bộ quá trình sản xuất và hướng dẫn tiêu dùng các sản phẩm văn hóa đều do các cơ quan nhà nước (Bộ Văn hóa và các tổ chức chính trị - xã hội mang tính nhà nước) đảm nhiệm việc quản lý và điều hành. Vì thế, trong thời kỳ không còn sự bao cấp của nhà nước thì việc tiếp tục duy trì chế độ nhà nước hóa những hoạt động mà xã hội có thể và có điều kiện tổ chức thực hiện là không còn hợp lý.

Do đó, xã hội hóa các hoạt động văn hóa thực chất là xã hội hóa quyền tổ chức và điều hành các hoạt động văn hóa theo hướng đa dạng hóa chủ thể quản lý nhằm thu hút đông đảo lực lượng xã hội tham gia, tổ chức và điều hành các hoạt động theo đúng pháp luật.

Với những nội dung và ý nghĩa này, xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là vận động và tổ chức các tổ chức xã hội và nhân dân, là việc xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân với các cơ quan nhà nước, là sự mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội tham gia vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Như vậy, xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa không chỉ thu hút trí tuệ, nhân lực, vật lực của toàn xã hội cho lĩnh vực này mà còn là nhân tố thúc đẩy quá trình biến đổi về chất, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa và nâng cao kiến thức của nhân dân trong tình hình mới. Chính vì vậy, đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, xã hội hóa không chỉ là vấn đề trước mắt - không phải là biện pháp tình thế để chia sẻ sự đóng góp cho ngân sách nhà nước - mà còn là nhiệm vụ lâu dài bởi vì các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa vẫn là những nhu cầu thiết yếu, vẫn luôn được duy trì và không ngừng phát triển với những tiềm năng và nguồn lực to lớn của nhân dân.

Đồng thời với việc đề cao vai trò và sự tham gia của đồng bào nhân dân và các tổ chức xã hội, cần lưu ý và khẳng định rằng, xã hội hóa không có nghĩa là giảm nhẹ vai trò và trách nhiệm của nhà nước, giảm bớt phần ngân sách nhà nước, trái lại cần nâng cao vai trò của nhà nước trong việc định hướng, chỉ đạo và tạo dựng hành lang pháp lý cho các hoạt động này.

Nhà nước rõ sức mạnh của mình trong việc quản lý, điều tiết, định hướng và phát huy vai trò của các cộng đồng, của các tổ chức phi nhà nước và tư nhân trong các hoạt động xã hội hóa.

Đầu tư ngân sách nhà nước là một trong những nhân tố quan yếu thúc đẩy sự phát triển của quá trình xã hội hóa. Do đó, trên quy mô

toàn xã hội, nhà nước cần thường xuyên tìm thêm các nguồn thu để tăng tỷ lệ chi ngân sách cho các hoạt động này; đồng thời quản lý có hiệu quả việc sử dụng các nguồn kinh phí đó. Thực tiễn cho thấy, việc đề cao hiệu quả tài trợ của nhà nước là vấn đề quan trọng, nếu không, sẽ trở lại thời bao cấp, với cơ chế xin - cho, theo kiểu bình quân.

Càng xã hội hóa nhà nước càng cần tăng cường đầu tư ngân sách, nhưng việc tài trợ phải đúng trọng điểm, để thúc đẩy quá trình xã hội hóa. Việc sử dụng các nguồn kinh phí có hiệu quả và đúng mục đích rất cần đến vai trò của nhà nước.

Mặt khác, những kết quả của quá trình xã hội hóa sẽ góp phần làm giảm bớt cho nhà nước những gánh nặng về tài chính, khai thác được tiềm lực của toàn xã hội và tạo điều kiện để nhà nước đầu tư vào những công trình trọng điểm.

Muốn làm được như thế, nhà nước phải có những chính sách bền vững để trợ giúp và đào tạo nhằm nâng cao năng lực tự quản của cộng đồng, khuyến khích và nâng cao năng lực tham gia của nhân dân.

Thực tiễn xã hội hóa đòi hỏi sự đổi mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hoạt động, đây là nhu cầu phát triển nội tại của các hoạt động này. Hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa chỉ trở thành sự quan tâm chung của toàn xã hội và có vai trò thật sự trong các lĩnh vực của đời sống xã hội khi nó có chất lượng cao và đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nếu chất lượng và hiệu quả thấp thì không những không thể xã hội hóa mà còn không thể tồn tại và phát triển. Do đó, vấn đề nâng cao chất lượng và hiệu quả phải được coi là một trong những vấn đề sống còn, là một trong những nguyên tắc cơ bản của xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam.

Để các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa thu hút sự tham gia của toàn xã hội, được xã hội quan tâm và nuôi dưỡng, cần xác định rằng, việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa không chỉ là trách nhiệm của riêng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung, ngành bảo tồn bảo tàng nói riêng, mà cần sự

tham gia và hưởng ứng của mọi ngành, mọi cấp, mọi tổ chức kinh tế - xã hội và mọi tầng lớp nhân dân. Do đó, cần tăng cường đổi mới các hoạt động quản lý nhà nước về di sản văn hóa để tạo điều kiện mở rộng và đẩy mạnh quá trình xã hội hóa mà vẫn đảm bảo định hướng.

Về phương thức hoạt động, cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, tạo điều kiện tổ chức và hướng dẫn cho các tổ chức và các đơn vị xã hội ở cơ sở, trong đó, hết sức chú trọng việc khai thác tinh thần tự nguyện tự giác của quần chúng để mọi người coi việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa là vì mình và cho mình.

Trong những năm qua, Bộ Văn hóa - Thông tin (cũ) đã phối hợp với Tổng cục Du lịch xây dựng những quy định liên ngành về việc bảo tồn di sản và phát triển du lịch. Tuy nhiên, trên thực tế, mối quan hệ giữa hai ngành vẫn còn nhiều điều bất cập làm hạn chế đến hiệu quả bảo vệ và phát huy các di sản - nguồn tài nguyên quan yếu của du lịch Việt Nam. Do đó, cần xây dựng những giải pháp phối hợp cụ thể để vừa bảo vệ tốt các di sản vừa phát triển du lịch bền vững.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy di sản văn hóa nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế dưới mọi hình thức: viện trợ tài chính, thiết bị kỹ thuật, công nghệ và đào tạo cán bộ. Đồng thời, giới thiệu về những giá trị đặc sắc của di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam tạo cơ sở cho việc phát triển du lịch bền vững.

Muốn đạt được những yêu cầu nói trên, trước hết và trên hết cần kiện toàn bộ máy tổ chức của ngành di sản văn hóa từ trung ương đến cơ sở, đồng thời, nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ để đảm trách việc thực hiện những nhiệm vụ mới của tình hình mới. Đồng thời, phát động một phong trào xã hội rộng rãi nhằm động viên và thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp này.

Trên đây là những suy nghĩ bước đầu của chúng tôi về việc xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam trong tình hình hiện nay./.

T.Q.B